

Phụ lục 6
CÂN ĐỐI NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND xã Ba Dinh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2026-2030	Chia theo từng năm					Chiếm tỷ lệ(%)
				2026	2027	2028	2029	2030	
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	Triệu đồng							
I	Kinh phí xây mới, sửa chữa cải tạo tại cơ sở vật chất	Triệu đồng	26.354	11.275	3.844	4.635	2.000	4.600	
1	Mầm non	Triệu đồng	12.000	5.200	200	0	2.000	4.600	
2	Tiểu học	Triệu đồng	3.030	3.030	0	0	0	0	
3	THCS	Triệu đồng	11.324	3.045	3.644	4.635	0	0	
II	Mua sắm trang thiết bị	Triệu đồng	3.412	2.184	363	238	78	548	
1	Mầm non	Triệu đồng	1.090	190	230	160	0	510	
2	Tiểu học	Triệu đồng	814	814	0	0	0	0	
3	THCS	Triệu đồng	1.508	1.180	133	78	78	38	
B	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN	Triệu đồng							
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng							
2	Ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng	29.766	13.459	4.207	4.873	2.078	5.148	100%
3	Ngân sách cấp xã	Triệu đồng							
4	Vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	Triệu đồng							

Phụ lục 6
CÂN ĐỐI NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-..... ngày tháng năm 2025 của Trường Mầm

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2026-2030	Chia theo từng năm		
				2026	2027	2028
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	Triệu đồng				
I	Kinh phí xây mới, sửa chữa cải tạo tại cơ sở vật chất	Triệu đồng				
1	Mầm non	Triệu đồng	5000	1700	200	0
2	Tiểu học	Triệu đồng				
3	THCS	Triệu đồng				
4	THPT	Triệu đồng				
II	Mua sắm trang thiết bị	Triệu đồng				
1	Mầm non	Triệu đồng	540	30	0	0
2	Tiểu học	Triệu đồng				
3	THCS	Triệu đồng				
4	THPT	Triệu đồng				
B	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN	Triệu đồng	5540	1730	200	0
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	5000	1700	200	0
2	Ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng	540	30	0	0
3	Ngân sách cấp xã	Triệu đồng	0	0	0	0
4	Vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	Triệu đồng	0	0	0	0

ẠCH

n non Ba Giang)

ăm		Chiếm tỷ lệ(%)
2029	2030	
0	3100	
0	510	
0	3610	
0	3100	
0	510	
0	0	
0	0	

Phụ lục 6
CÂN ĐỐI NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-MNBD ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Trường .)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2026-2030	Chia theo từng năm		
				2026	2027	2028
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	Triệu đồng				
I	Kinh phí xây mới, sửa chữa cải tạo tại cơ sở vật chất	Triệu đồng				
1	Mầm non	Triệu đồng	7.000	3.500	0	0
2	Tiểu học	Triệu đồng				
3	THCS	Triệu đồng				
4	THPT	Triệu đồng				
II	Mua sắm trang thiết bị	Triệu đồng				
1	Mầm non	Triệu đồng	550	160	230	160
2	Tiểu học	Triệu đồng				
3	THCS	Triệu đồng				
4	THPT	Triệu đồng				
B	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN	Triệu đồng				
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	7.550	3.660	230	160
2	Ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng				
3	Ngân sách cấp xã	Triệu đồng				
4	Vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	Triệu đồng				

ẠCH

MN Ba Dinh)

ăm		Chiếm tỷ lệ(%)
2029	2030	
2.000	1.500	
0	0	
2.000	1.500	

Phụ lục 6
CÂN ĐỐI NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HO.
GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo số 136/BC-THBD ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Trường Tiểu

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2026-2030	Chia theo từng nă		
				2026	2027	2028
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	Triệu đồng		3.844		
I	Kinh phí xây mới, sửa chữa cải tạo tại cơ sở vật chất	Triệu đồng		3.030		
1	Tiểu học	Triệu đồng	3.030	3.030		
II	Mua sắm trang thiết bị	Triệu đồng		814		
1	Tiểu học	Triệu đồng		814		
B	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN	Triệu đồng		3.844		
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
2	Ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng				
3	Ngân sách cấp xã	Triệu đồng		3.844		
4	Vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	Triệu đồng				

ACH

Đu học Ba Dinh)

[illegible]

UBND XÃ BA DINH
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS BA GIANG

Phụ lục 6
CÂN ĐỐI NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2
(Kèm theo Báo cáo số 243/BC-TH&THCS, ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Trường PTDTBT TH&

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2026-2030	Chia theo từng năm		
				2026	2027	2028
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	Triệu đồng				
I	Kinh phí xây mới, sửa chữa cải tạo tại cơ sở vật chất	Triệu đồng				
1	Mầm non	Triệu đồng				
2	Tiểu học	Triệu đồng				
3	THCS	Triệu đồng	60	60		
4	THPT	Triệu đồng				
II	Mua sắm trang thiết bị	Triệu đồng				
1	Mầm non	Triệu đồng				
2	Tiểu học	Triệu đồng				
3	THCS	Triệu đồng	720	720		
4	THPT	Triệu đồng				
B	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN	Triệu đồng				
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
2	Ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng				
3	Ngân sách cấp xã	Triệu đồng	780	780		
4	Vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	Triệu đồng				

2026-2030

THCS Ba Giang)

[illegible]

Phụ lục 6
CÂN ĐỐI NGUỒN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 37 /BC-THCS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Trường THCS Ba

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2026-2030	Chia theo từng năm				
				2026	2027	2028	2029	2030
A	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ	Triệu đồng	12.052	3.445	3.777	4.713	78	38
I	Kinh phí xây mới, sửa chữa cải tại cơ sở vật chất	Triệu đồng	11.264	2.985	3.644	4.635	0	0
1	Mầm non	Triệu đồng						
2	Tiểu học	Triệu đồng						
3	THCS	Triệu đồng	11.264	2.985	3.644	4.635		
4	THPT	Triệu đồng						
II	Mua sắm trang thiết bị	Triệu đồng	788	460	133	78	78	38
1	Mầm non	Triệu đồng						
2	Tiểu học	Triệu đồng						
3	THCS	Triệu đồng	788	460	133	78	78	38
4	THPT	Triệu đồng						
B	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN	Triệu đồng						
1	Ngân sách Trung ương	Triệu đồng						
2	Ngân sách cấp tỉnh	Triệu đồng						
3	Ngân sách cấp xã	Triệu đồng	12.052	3.445	3.777	4.713	78	38
4	Vốn huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác	Triệu đồng						

[illegible]